



hữu trí tuệ, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản trí tuệ* là các sản phẩm được sáng tạo, phát sinh trong quá trình giảng dạy, học tập nghiên cứu của VC-NLĐ và người học bao gồm: luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp; đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu; báo cáo nghiên cứu khoa học; đề án, dự án; kỷ yếu hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Trường tổ chức; các bài nghiên cứu; giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài giảng, chương trình máy tính và các sản phẩm trí tuệ khác.

2. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

3. *Tác giả* là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật. Trong trường hợp có hai người trở lên cùng tham gia sáng tạo tác phẩm thì tất cả những người đó đều được thừa nhận là đồng tác giả của tác phẩm. Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.

4. *Chủ sở hữu quyền tác giả* là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản đối với tác phẩm khoa học, văn học và nghệ thuật.

5. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

6. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

7. *Quyền nhân thân* bao gồm các quyền sau đây:

- a) Đặt tên cho tác phẩm;
- b) Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- c) Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
- d) Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén

hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào, gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

8. *Quyền tài sản* bao gồm các quyền sau đây:

a) Làm tác phẩm phái sinh;

b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;

c) Sao chép tác phẩm;

d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;

đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;

e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

9. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

10. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

11. *Bản gốc tác phẩm* là bản được tồn tại dưới dạng vật chất mà trên đó việc sáng tạo tác phẩm được định hình lần đầu tiên bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

12. *Bản sao tác phẩm* là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hoặc toàn bộ tác phẩm. Bản sao chụp tác phẩm cũng là bản sao tác phẩm.

13. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác.

14. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình* đã công bố là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng bản sao dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý.

15. *Sao chép* là việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

16. *Tiền bản quyền* là khoản tiền trả cho việc sáng tạo hoặc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả tiền nhuận bút, tiền thù lao.

17. *Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền* là biện pháp sử dụng bất kỳ kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào trong quá trình hoạt động bình thường có chức năng chính nhằm bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với hành vi được thực hiện mà không được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

18. *Biện pháp công nghệ hữu hiệu* là biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan kiểm soát việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa thông qua các ứng dụng kiểm soát truy cập, quy trình bảo vệ hoặc cơ chế kiểm soát sao chép.

19. *Thông tin quản lý quyền* là thông tin xác định về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và các điều kiện khai thác, sử dụng; số hiệu, mã số thể hiện các thông tin nêu trên. Thông tin quản lý quyền phải gắn liền với bản sao hoặc xuất hiện đồng thời với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được truyền đến công chúng

20. *Phát sóng* là việc truyền đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến âm thanh hoặc hình ảnh, âm thanh và hình ảnh, sự tái hiện âm thanh hoặc hình ảnh, sự tái hiện âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, truyền tín hiệu được mã hóa trong trường hợp phương tiện giải mã được tổ chức phát sóng cung cấp tới công chúng hoặc được cung cấp với sự đồng ý của tổ chức phát sóng.

21. *Truyền đạt đến công chúng* là việc truyền đến công chúng tác phẩm; âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn; âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện của âm thanh, hình ảnh được định hình trong bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện nào ngoài phát sóng

22. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải

quyết một vấn đề xác định bằng ứng dụng các quy luật tự nhiên.

23. *Sáng chế mật* là sáng chế được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định là bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

24. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp

25. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

26. *Nhãn hiệu tập thể* là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.

27. *Nhãn hiệu chứng nhận* là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

28. *Nhãn hiệu nổi tiếng* là nhãn hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam

29. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh. Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bạn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

30. *Chỉ dẫn địa lý* là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể.

31. *Bí mật kinh doanh* là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

32. *Văn bằng bảo hộ* là văn bằng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ

7  
chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

33. *Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ* là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ.

34. *Nhiệm vụ được giao* là công việc thực hiện căn cứ vào hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động, quyết định giao nhiệm vụ của Hiệu trưởng và căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị theo quy định của Trường.

35. *Nguồn lực của Nhà trường* bao gồm nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - trang thiết bị, tư liệu, dữ liệu và các nguồn lực khác của Trường.

36. *Bộ phận thư viện tư liệu* là tên gọi chung để chỉ nơi lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường.

37. *Trang web* là trang thông tin điện tử đăng tải tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường.

#### **Điều 4. Sản phẩm trí tuệ của Trường**

Các sản phẩm trí tuệ của Trường thống nhất quản lý bao gồm:

1. Tên Trường, Logo, nhãn hiệu hàng hoá, thương hiệu của Trường (được hiểu là của tất cả các đơn vị thuộc Trường).

2. Tác phẩm nghệ thuật và khoa học do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác:

a) Tác phẩm khoa học, sách chuyên khảo/tham khảo, bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, báo cáo và sản phẩm nghiên cứu khoa học, đề án, dự án, kỹ yếu hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Trường tổ chức; đề cương môn học, giáo trình, bài giảng, chương trình máy tính và các sản phẩm trí tuệ khác được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào;

b) Tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng

c) Luận văn tốt nghiệp, luận văn thạc sỹ, sản phẩm tốt nghiệp của sinh viên

3. Tác phẩm phái sinh nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác

phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.<sup>8</sup>

4. Bản ghi âm, ghi hình về các chương trình hoạt động của Trường do Trường thực hiện hoặc giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện.

5. Kết quả các công trình khoa học, tiến bộ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận cho phép ứng dụng tại các địa bàn sản xuất.

6. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, giấy chứng nhận bản quyền tác giả.

7. Các sản phẩm liên kết với các đơn vị, cá nhân ngoài Trường (có văn bản thỏa thuận riêng cho từng loại sản phẩm và đóng góp của mỗi bên).

8. Các sản phẩm trí tuệ khác thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường theo qui định của Luật Sở hữu trí tuệ.

#### **Điều 5. Mục đích quản lý tài sản trí tuệ**

Quản lý tài sản trí tuệ nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động sáng tạo, nhận diện, ghi nhận, xác lập quyền, bảo vệ và khai thác thương mại hiệu quả các tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường, của các cá nhân, đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; tạo nguồn thu bổ sung để phát triển Nhà trường, đồng thời góp phần phát triển đất nước.

#### **Điều 6. Các nội dung quản lý tài sản trí tuệ**

Hoạt động quản lý tài sản trí tuệ trong Trường bao gồm:

1. Nhận diện, ghi nhận, xác định quyền sở hữu, quyền tác giả đối với các tài sản trí tuệ do viên chức, người lao động (VC-NLĐ), người học, đơn vị thuộc Trường và các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có mối quan hệ cộng tác với Nhà trường tạo thành.

2. Xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.

3. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ của VC-NLĐ, người

học và các đơn vị thuộc Trường.

5. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

## **Chương II**

### **QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 7. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường**

Trường là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các trường hợp sau đây:

1. Tài sản trí tuệ được tạo ra bởi VC-NLĐ, các đơn vị thuộc Trường theo nhiệm vụ được giao, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do Trường đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.

2. Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường mà trong hợp đồng có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường.

3. Tài sản trí tuệ được tạo ra từ các hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng nguồn lực của Nhà trường, hoặc nguồn lực do các tổ chức, cá nhân tài trợ cho Nhà trường bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học của VC-NLĐ và của người học, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Tài sản trí tuệ được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường.

#### **Điều 8. Đồng sở hữu tài sản trí tuệ**

1. Trường là đồng sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu với các đối tác, trong đó sử dụng nguồn lực của các bên, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác;

b) Tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu do VC-NLĐ, người học hoặc đơn vị thuộc, trực thuộc Trường thực hiện, sử dụng

1  
nguồn lực của Trường và nguồn lực của cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

2. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong các trường hợp trên sẽ do các bên tự thỏa thuận, dựa theo tỷ lệ đóng góp của các bên, trên cơ sở nguyên tắc các bên cùng có lợi.

3. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của VC-NLĐ và các chủ thể khác**

1. Tài sản trí tuệ do VC-NLĐ trong Trường và các chủ thể khác tạo ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này thuộc sở hữu của người sáng tạo.

2. Quyền sở hữu đối với công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên tạp chí/chuyên san/trang web của Trường, trên kỷ yếu hội thảo, hội nghị, tọa đàm khoa học do Nhà trường tổ chức/đồng tổ chức thuộc về tác giả của công trình. Trường có quyền khai thác các công trình trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

### **Điều 10. Quyền sở hữu trí tuệ của người học**

1. Tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường bao gồm: công trình nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, bài báo khoa học,... thuộc quyền sở hữu của người học. Trường có quyền khai thác các công trình trên nhằm mục đích phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Tài sản trí tuệ được sáng tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu có sử dụng nguồn lực của Nhà trường thì Trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

### **Điều 11. Quyền của tác giả/đồng tác giả**

1. Tác giả hoặc đồng tác giả các tác phẩm được hưởng các quyền nhân thân theo

1  
quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Tác giả, đồng tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả không đồng thời là tác giả sẽ được hưởng nhuận bút, thù lao theo thỏa thuận hoặc quy định của Trường.

**Điều 12. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao**

1. TỰ sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân.

2. Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình.

3. Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu.

4. Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại.

5. Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu (cả bản in và bản điện tử hoặc dưới hình thức số hóa).

6. Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào.

7. Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy.

8. Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó.

9. Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị.

10. Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

**Điều 13. Hành vi xâm phạm quyền tác giả**

1. Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

2. Mạo danh tác giả.

3. Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả.

4. Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó.

5. Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

6. Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại điểm 1 và điểm 4 Điều 12 của Quy định này.

7. Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp quy định tại điểm 9 Điều 12 của Quy định này.

8. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm 6 Điều 12 của Quy định này.

9. Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.

10. Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

11. Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

12. Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

13. Cố ý xoá, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.

14. Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

15. Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo.

16. Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ THUỘC TRƯỜNG**

### **Điều 14. Các hình thức khai thác quyền sở hữu trí tuệ**

Việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ được tiến hành bằng các hình thức sau:

1. Công bố các kết quả nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức.
2. Phân phối các tác phẩm thuộc sở hữu của Nhà trường dưới mọi hình thức.
3. Chuyển nhượng quyền sở hữu các đối tượng sở hữu trí tuệ.
4. Chuyển quyền sử dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ cho các đối tượng có nhu cầu.
5. Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 15. Thương hiệu của Trường**

1. Thương hiệu Trường là tổng hợp những yếu tố tạo nên danh tiếng và năng lực cạnh tranh của Trường, được biểu hiện dưới các hình thức hữu hình và vô hình nhằm quảng bá hình ảnh của Trường.

2. Thương hiệu Trường là tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Trường bao gồm nhưng không giới hạn các đối tượng sau:

- a) Logo Trường;
- b) Tên gọi Trường (tiếng Việt, tiếng nước ngoài, tên viết tắt);
- c) Các biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình có sử dụng logo và tên gọi Trường.

3. Quản trị thương hiệu Trường bao gồm:

Việc Trường thực hiện các biện pháp để kiểm soát, bảo vệ, khai thác, phát triển và quảng bá thương hiệu Trường thông qua tất cả các hoạt động thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường;

Tất cả các hoạt động xác lập nguyên tắc, nội dung, quy trình, quy định cụ thể để xây dựng, phát triển, quản lý thương hiệu và hình ảnh của Trường thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội,

hợp tác quốc tế, hoạt động đoàn thể của Trường.

4. Tất cả các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Trường có trách nhiệm tuân thủ công tác quản trị thương hiệu của Trường.

### **Điều 16. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hoạt động của Thư viện và bộ phận tư liệu Trường**

1. Mọi hoạt động của Thư viện Trường và bộ phận tư liệu Trường phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Trường, Thư viện Trường và bộ phận tư liệu Trường được phép khai thác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và theo pháp luật hiện hành.

3. Đối với các luận văn thạc sỹ, luận văn tốt nghiệp, sản phẩm thuộc quyền sở hữu của người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường; các ấn phẩm đã đăng trên tạp chí/chuyên san/trang web của Nhà trường; các bài tham luận hội thảo, kỷ yếu hội thảo do Nhà trường tổ chức/đồng tổ chức, bộ phận Thư viện Tư liệu Trường được quyền lưu trữ kể cả dưới hình thức số hóa và khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định.

4. Các tác giả phải cam kết tác phẩm do chính tác giả sáng tạo, không sao chép của người khác. Các tài liệu đăng tải là tài liệu dịch hoặc tài liệu được đăng lại thì phải được phép và ghi rõ nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

### **Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của VC-NLĐ trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường**

1. Có quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của Nhà trường trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ khác được Nhà trường giao.

2. Có quyền nhân thân theo pháp luật sở hữu trí tuệ; quyền được hưởng thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.

3. Đối với công trình nghiên cứu khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của Trường, tác giả/đồng tác giả có thể chủ động đề xuất việc công bố trên sách, tạp

chí. Việc công bố chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Hiệu trưởng.

4. Có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Nhà trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

### **Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của người học trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường**

1. Có quyền sử dụng tài sản trí tuệ của Trường trong học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng quy định của Nhà trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Có quyền nhân thân theo pháp luật sở hữu trí tuệ; quyền được hưởng thù lao, nhuận bút và các lợi ích khác từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Nhà trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả.

3. Không được phô - tô tài liệu và sử dụng tài liệu phô - tô trong quá trình học tập tại Trường trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép và trường hợp quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

4. Có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này, Quy định về liêm chính học thuật trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường và pháp luật sở hữu trí tuệ.

### **Điều 19. Khai thác, thương mại hóa, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ**

1. Nhà trường cùng với tác giả tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ. Trường phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ.

2. Nhà trường lập hội đồng đánh giá khả năng thương mại hóa của sản phẩm nghiên cứu.

3. Nhà trường và nhóm nghiên cứu sẽ tìm đối tác để chuyển giao cho các đơn vị, tổ chức có nhu cầu.

4. Nhà trường và nhóm nghiên cứu sẽ định giá sản phẩm nghiên cứu dựa trên tổng kinh phí đề tài, lợi nhuận và tình hình thị trường theo quy định.

5. Đối với các sản phẩm nghiên cứu có tính ứng dụng, khả thi cao, Nhà trường cùng nhóm nghiên cứu kết hợp với các nhà khoa học, sở ban ngành, đơn vị bên ngoài

để quảng bá sản phẩm nghiên cứu thông qua các cuộc hội thảo, triển lãm, các phương tiện truyền thông, vv...

6. Khi tác giả có tác phẩm cần làm thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ (cấp Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu hiệu, Nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp theo hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ; cấp Bản quyền tác giả đối với các ấn phẩm theo hướng dẫn của Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch). Nhà trường và tác giả phải nộp phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan, **theo tỷ lệ Trường 50%, tác giả 50%.**

7. Trường có thể chuyên giao quyền sở hữu trí tuệ của Trường cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

8. Trường có thể nhận chuyên giao quyền sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu của VC-NLĐ, người học, cộng tác viên theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

9. Khi chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả, Nhà trường cùng tác giả cùng thương thảo với bên nhận chuyển nhượng nội dung, phương pháp, phạm vi và giá cả. Tác giả sản phẩm không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được Nhà trường đồng ý bằng văn bản, hoặc không có đại diện Nhà trường thương thảo với bên nhận chuyển nhượng.

10. Tác giả không được chuyển quyền sử dụng các quyền nhân thân, trừ quyền công bố tác phẩm.

11. Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả được lập thành văn bản gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên;
- b) Căn cứ chuyển nhượng;
- c) Phạm vi chuyển quyền;
- d) Giá, phương thức thanh toán;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

12. Giá chuyển nhượng phải tính đủ các yếu tố như: Chi phí đầu tư cho việc

1  
nghiên cứu trước, chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực của văn bằng bảo hộ SHTT, chi phí quản lý nghiên cứu, chi phí nộp thuế nhà nước, vv...

## **Điều 20. Phân chia lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ**

1. Sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách Nhà nước, sau khi được nghiệm thu và được bán:

- 40% nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành;
- 30% nộp quỹ KH&CN Trường;
- 30% dùng để khen thưởng tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án.

Tổng mức khen thưởng không vượt quá 50 triệu đồng/1 đề tài, dự án. Phần vượt trên 50 triệu đồng được trích vào quỹ phúc lợi của Trường.

2. Việc phân chia lợi ích từ tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng nguồn lực của Nhà trường được thực hiện như sau:

a) Lợi nhuận thu được chia cho tác giả theo thỏa thuận của các bên nhưng tối thiểu là 30%;

b) Sau khi phân chia cho tác giả, phần lợi nhuận còn lại được quy định như sau:

- 50% dành cho Quỹ KH&CN bao gồm quản lý các hoạt động SHTT của Nhà trường;
- 50% dành cho quỹ phúc lợi, khen thưởng.

Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ tài sản trí tuệ sẽ do Ban Giám hiệu quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

3. Các sản phẩm trí tuệ thuộc nhóm đối tượng sở hữu công nghiệp như Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bản quyền tác giả, Nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp:

a) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng dưới 100 triệu đồng:

Tác giả 70%, Quỹ KH&CN Trường 15%, Quỹ phúc lợi khen thưởng: 15%

b) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng:

Tác giả 65%, Quỹ KH&CN Trường 20%, Quỹ phúc lợi khen thưởng: 15%

c) Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng trên 1 tỷ đồng:

Tác giả 60%, Quỹ KH&CN Trường 20%, Quỹ phúc lợi khen thưởng: 20%

Nếu trung tâm độc lập trực thuộc Trường sẽ được hưởng toàn bộ giá trị nộp cho Quỹ KH&CN (tương ứng với mức 15%, 20%, 20%).

## **Điều 21. Trách nhiệm quản lý sản phẩm sở hữu trí tuệ của Trường**

1. Nhà trường, tác giả thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Trường

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển các sản phẩm trí tuệ;

b) Xây dựng, sửa đổi, ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về sở hữu trí tuệ của Trường; thực hiện các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ của Nhà nước;

c) Tổ chức bộ phận quản lý về sở hữu trí tuệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ;

d) Đăng ký cấp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, Bằng bảo hộ sản phẩm của Trường;

đ) Xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyên giao công nghệ;

e) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

f) Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu trí tuệ;

g) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ;

h) Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ.

3. Nhà trường giao cho phòng QLKH chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các nhiệm vụ quản lý các hoạt động SHTT trong toàn trường; hỗ trợ hướng dẫn tác giả nộp đơn xin cấp văn bằng bảo hộ; lưu giữ, nhận diện, tổ chức khai

thác và thương mại hóa các sản phẩm sở hữu trí tuệ.

4. Các khoa, bộ môn, trung tâm và các phòng ban (gọi chung là đơn vị) có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, viên chức và người lao động nghiên cứu sáng tạo ra sản phẩm trí tuệ; triển khai thực hiện các văn bản quản lý về SHTT của Nhà nước và của Trường; nhận diện, lập danh sách, khai báo các loại tài sản trí tuệ phát sinh trong phạm vi quản lý của đơn vị. Tháng 6 hàng năm các đơn vị có trách nhiệm gửi báo cáo về kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ, danh mục tài sản trí tuệ phát sinh của đơn vị thông qua Phòng QLKH.

5. Các đơn vị và tác giả sản phẩm sở hữu trí tuệ thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về SHTT của Nhà nước và của Trường; tham gia cùng với Nhà trường xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ; yêu cầu Trường xử lý và giải quyết các xung đột về quyền lợi quyền tác giả.

#### **Điều 22. Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ**

Các cá nhân, tập thể có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ dưới bất kì hình thức nào, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị Nhà trường xử lý, kỷ luật theo quy định pháp luật và Nhà trường.

### **Chương V**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

#### **Điều 24. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cá nhân/đơn vị gửi ý kiến tới Phòng QLKH. Phòng QLKH tổng hợp, xem xét và tham mưu Hiệu trưởng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Phạm Hùng Cường**

